Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo

Trường Đại Học Ngoại Ngữ - Tin Học Thành Phố Hồ Chí Minh

**Khoa Công Nghệ Thông Tin**



**MÔN HỌC : PHÂN TÍCH THIẾT KẾ PHẦN MỀM**

**ĐỀ TÀI : PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG QUẢN LÝ GIAO HÀNG**

**Giáo Viên Hướng Dẫn** : ThS. Thái Thị Thanh Thảo

**Thành Viên :**

1. Nguyễn Linh Nhi – MSSV: X
2. Nguyễn Hoàng Phi – MSSV: 20DH112139
3. Bùi Khánh Ly – MSSV: X

*Tp. Hồ chí minh, Ngày …. tháng …. năm …*

**Nhận xét của giảng viên**

**Lời cảm ơn**

**Mục lục**

**Danh mục hình ảnh**

**Danh mục bảng biểu**

**Danh mục từ viết tắt**

**ERD – Entity-Relationship Diagram**

**NV – Nhân viên**

**GH – Giao Hàng**

**Bảng phân công công việc**

1. **Giới thiệu chung**

Hệ thống quản lý giao hàng này được tích hợp vào ứng dụng và website, sẽ cung cấp một nơi thống nhất để người dùng, nhân viên quản lý và nhân viên giao hàng có thể giao tiếp và thống nhất với nhau về dịch vụ giao/nhận đơn hàng, và người dùng cũng có thể dễ dàng quản lý, quan sát, cập nhật, và hỗ trợ về trạng thái của các đơn hàng.

Đối tượng sử dụng : cho các khách hàng, các công ty, agency, cơ quan có nhu cầu sử dụng dịch vụ giao hàng và nhận hàng

1. **Phân tích thiết kế hệ thống**
   1. **Đặc tả hệ thống (System requirements)**

Hệ thống quản lý giao hàng phục vụ khách hàng hướng tới mục tiêu vận chuyển hàng, giao hàng đến cho những cá nhân, những doanh nghiệp mà khách hàng mong muốn, đề ra, thông qua dịch vụ giao hàng, và dịch vụ giao hàng này được thực hiện bởi bộ phận giao hàng, và hệ thống kể trên được quản lý bởi nhân viên.

* 1. **Giả định (Assumption) cho hệ thống**
  2. **Phạm vi của hệ thống (Scope)**

**Hệ thống quản lý giao hàng có thể đáp ứng các nhu cầu: nhận hàng hóa từ công ty, nhận giao hàng giữa 2 khách hàng cho nhau thông qua các phương thức giao hàng thông qua các đường vận chuyển như xe tải, đường bưu điện, máy bay, hỏa tốc… và sẽ có thu phí cho các dịch vụ kể trên, mức phí sẽ được tính thông qua hình thức vận chuyển và quãng đường từ điểm xuất phát đến điểm kết thúc**

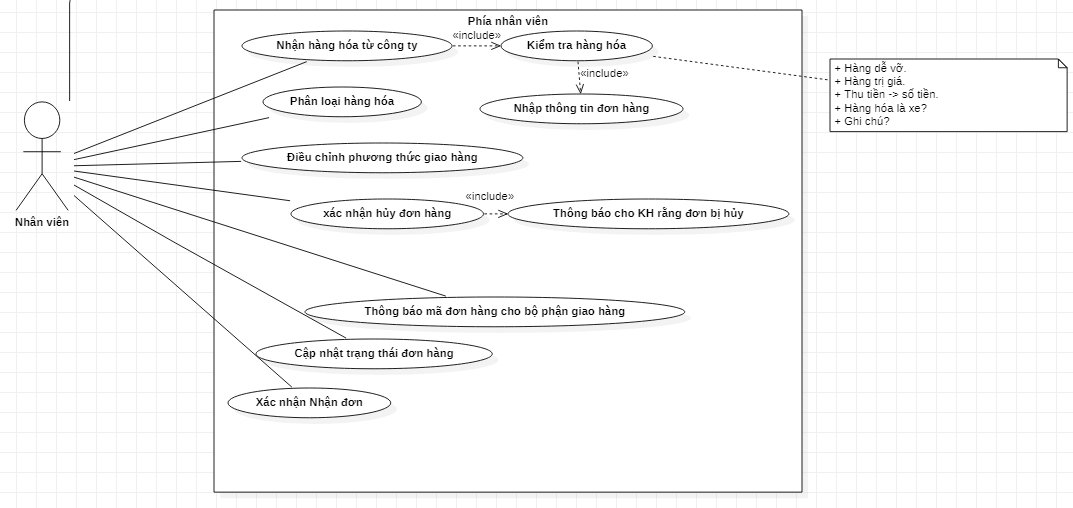
* 1. **Yêu cầu của người sử dụng hệ thống (Users requirements)**

**Người sử dụng hệ thống cần có một trong những thiết bị sau đây để truy cập vào hệ thống và sử dụng những chức năng mà hệ thống có thể phục vụ: máy tính cá nhân / laptop sử dụng hệ điều hành như Windows/MacOS/Linux, điện thoại thông minh có hệ điều hành Android/iOS, và các thiết bị đã kể trên cần có kết nối internet có dây hoặc không dây**

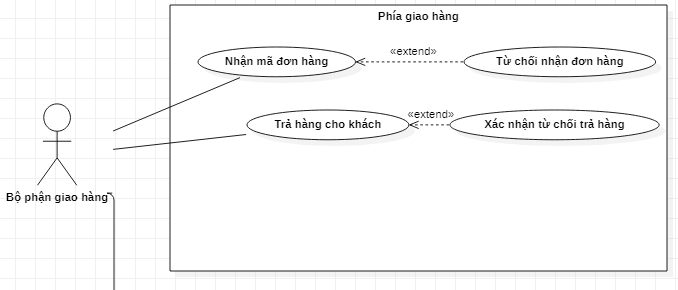
* 1. **Ma trận actor và use case**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor Use Case** | **Nhân viên** | **Bộ phận giao hàng** | **Khách hàng** |
| **Đăng nhập** | **x** | **x** | **x** |
| **Đăng ký** |  | **x** | **x** |
| **Nhận mã đơn hàng** | **x** | **x** |  |
| **Từ chối nhận hàng** |  | **x** |  |
| **Trả hàng cho khách** |  | **x** | **x** |
| **Xác nhận từ chối trả hàng** |  | **x** | **x** |
| **Kiểm tra trạng thái đơn hàng** |  |  | **x** |
| **Nhận bảng báo giá** | **x** | **x** | **x** |
| **Nhận hàng** |  | **x** | **x** |
| **Trả tiền mặt** |  | **x** | **x** |
| **Nhận hàng hóa từ công ty** | **x** | **x** |  |
| **Kiểm tra hàng hóa** | **x** |  |  |
| **Nhập thông tin đơn hàng** | **x** | **x** |  |
| **Phân loại hàng hóa** | **x** |  |  |
| **Điều chỉnh phương thức giao hàng** | **x** |  |  |
| **Xác nhận hủy đơn hàng** | **x** |  |  |
| **Thông báo cho KH rằng đơn bị hủy** | **x** |  | **x** |
| **Thông báo mã đơn hàng cho bộ phận giao hàng** | **x** | **x** |  |
| **Xác nhận Nhận đơn** | **x** |  |  |
| **Cập nhật trạng thái đơn hàng** | **x** | **x** | **x** |

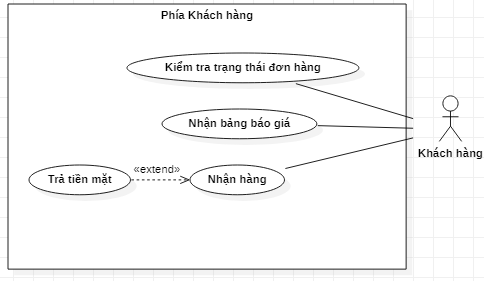
* 1. **Actor và use case**
* **Diagram**

****

**Diagram 01 – Phía nhân viên**

****

**Diagram 02 – Phía giao hàng**

****

**Diagram 03 – Phía khách hàng**

* **Actor & Use Case Description**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **#** | **Actor Name** | **Definition & Interests** |
| 1 | Nhân viên |  |
| 2 | Khách hàng |  |
| 3 | Người dùng |  |
| 4 | Bộ phận giao hàng |  |
| 5 | Hệ thống |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** | **Code** | **Name** | **Brief Description** |
| 1 | ND01 | Đăng nhập | Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| 2 | ND02 | Đăng kí | Cho phép người dùng đăng kí vào hệ thống |
| 3 | GH01 | Nhận mã đơn hang | Bên giao hàng nhận mã đơn hàng được cấp bởi nhân viên |
| 4 | GH02 | Từ chối nhận đơn hang | Bên giao hàng từ chối nhận mã đơn hàng |
| 5 | GH03 | Trả hàng cho khách | Bên giao hàng giao kiện hàng cho khách hàng |
| 6 | GH04 | Xác nhận từ chối trả hàng | Bên giao hàng từ chối giao hàng cho khách hàng |
| 7 | KH01 | Kiểm tra trạng thái đơn hàng | Khách hàng tiến hành kiểm tra trạng thái hiện tại của đơn hàng |
| 8 | KH02 | Nhận bảng báo giá | Khách hàng nhận bảng báo giá từ nhân viên |
| 9 | KH03 | Nhận hang | Khách hàng tiến hành nhận kiện hàng được giao bởi bộ phận giao hàng |
| 10 | KH04 | Trả tiền mặt | Khách hàng tiến hành đưa tiền mặt cho bộ phận giao hàng |
| 11 | NV01 | Nhận hàng hóa từ công ty | Nhân viên nhận hàng hóa từ công ty |
| 12 | NV02 | Kiểm tra hàng hóa | Nhân viên kiểm tra hàng hóa |
| 13 | NV03 | Nhập thông tin đơn hàng | Nhân viên nhập thông tin đơn hàng từ những thông tin có sẵn |
| 14 | NV04 | Phân loại hàng hóa | Nhân viên tiến hành phân loại hàng hóa |
| 15 | NV05 | Điều chỉnh phương thức giao hàng | Nhân viên tiến hành điều chỉnh phương thức giao hàng trên đơn hang cần điều chỉnh |
| 16 | NV06 | Xác nhận hủy đơn hang | Nhân viên tiến hành hủy đơn hàng |
| 17 | NV07 | Thông báo cho khách hàng rằng đơn bị hủy | Nhân viên tiến hành thông báo cho khách hàng rằng đơn bị hủy |
| 18 | NV08 | Thông báo mã đơn hàng cho bộ phận giao hàng | Nhân viên tiến hành thông báo mã đơn hàng cho bộ phận giao hàng |
| 19 | NV09 | Xác nhận nhận đơn | Nhân viên xác nhận nhận đơn |
| 20 | NV10 | Cập nhật trạng thái đơn hàng | Nhân viên tiến hành cập nhật trạng thái đơn hàng hiện tại |

* 1. **Đặc tả use case**

### 6.1.1 UC01: Đăng nhập

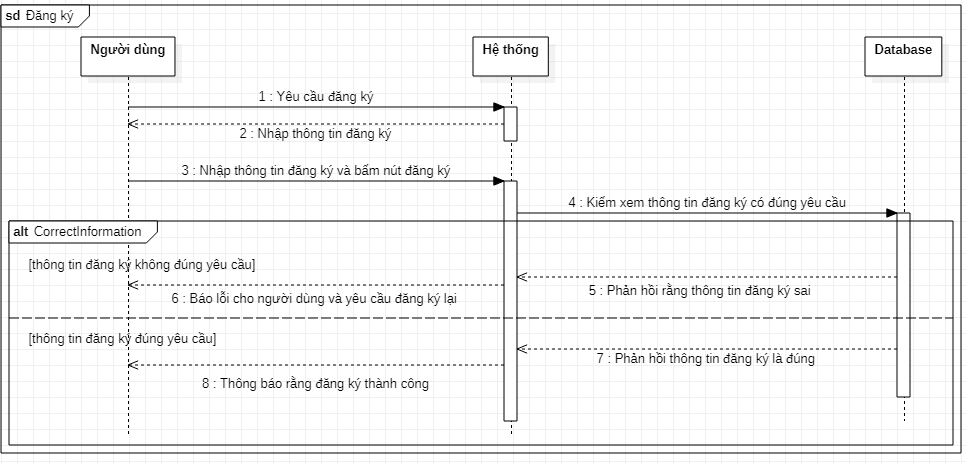
#### Use Case Description

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Đăng nhập | **Code** | ND01 |
| **Description** | Cho phép actor đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Actor** | Admin/Devision  Leader/Staff/BOD | **Trigger** | Actor bấm nút login |
| **Pre-condition** |  | | |
| **Post condition** | Chuyển tới trang default với role tương ứng | | |

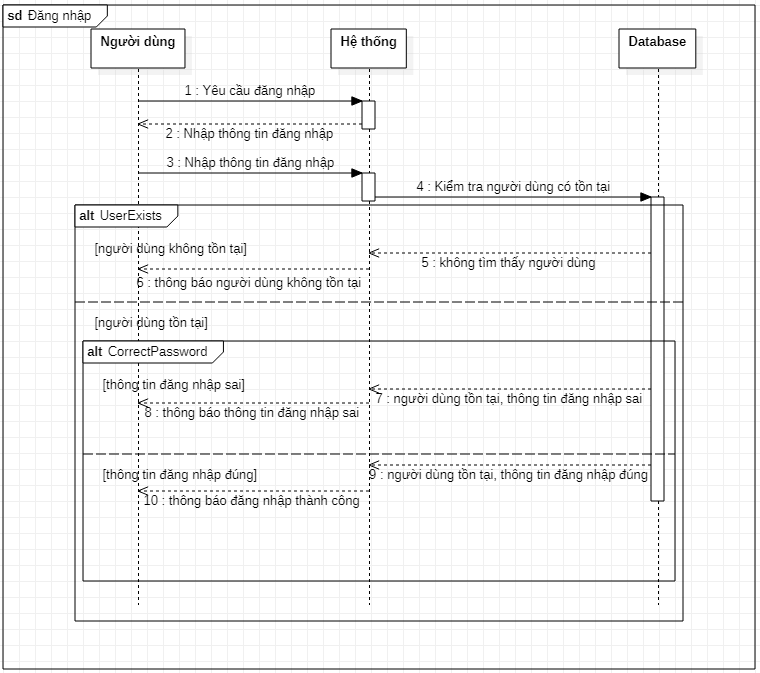
#### Activities

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | |  | **System** |
| **Main Flow: Login thành công** | | |  |
| 1 | Actor nhập tên đăng nhập/mật khẩu và click vào button Login trên trang đăng nhập (SC01). |  |  |
|  |  | 2 | Kiểm tra tên đăng nhập/mật khẩu là chính xác sau đó chuyển tới trang default role tương ứng (SC03, SC02...) |

* 1. **Sequence diagram**

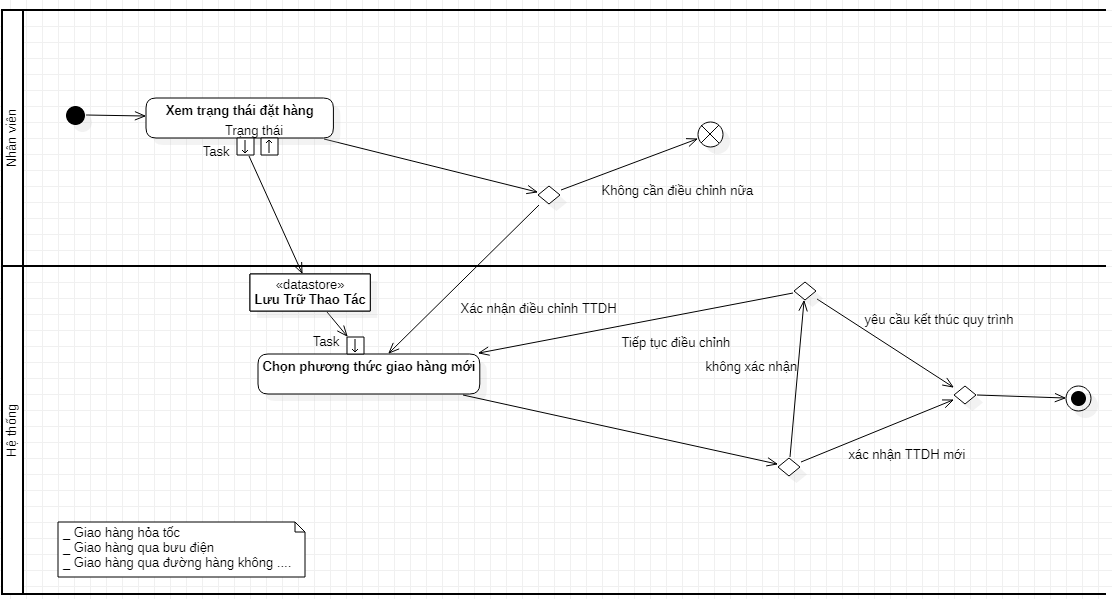
****

**Hình 1: Đăng ký**

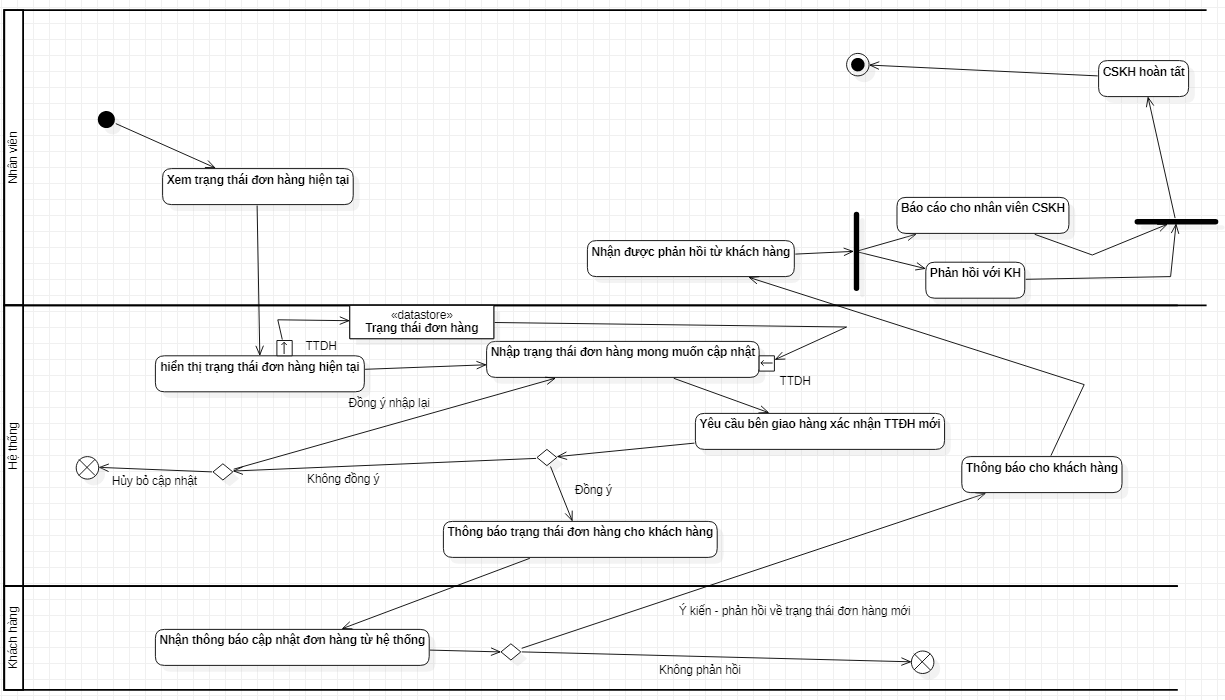
****

**Hình 2: Đăng nhập**

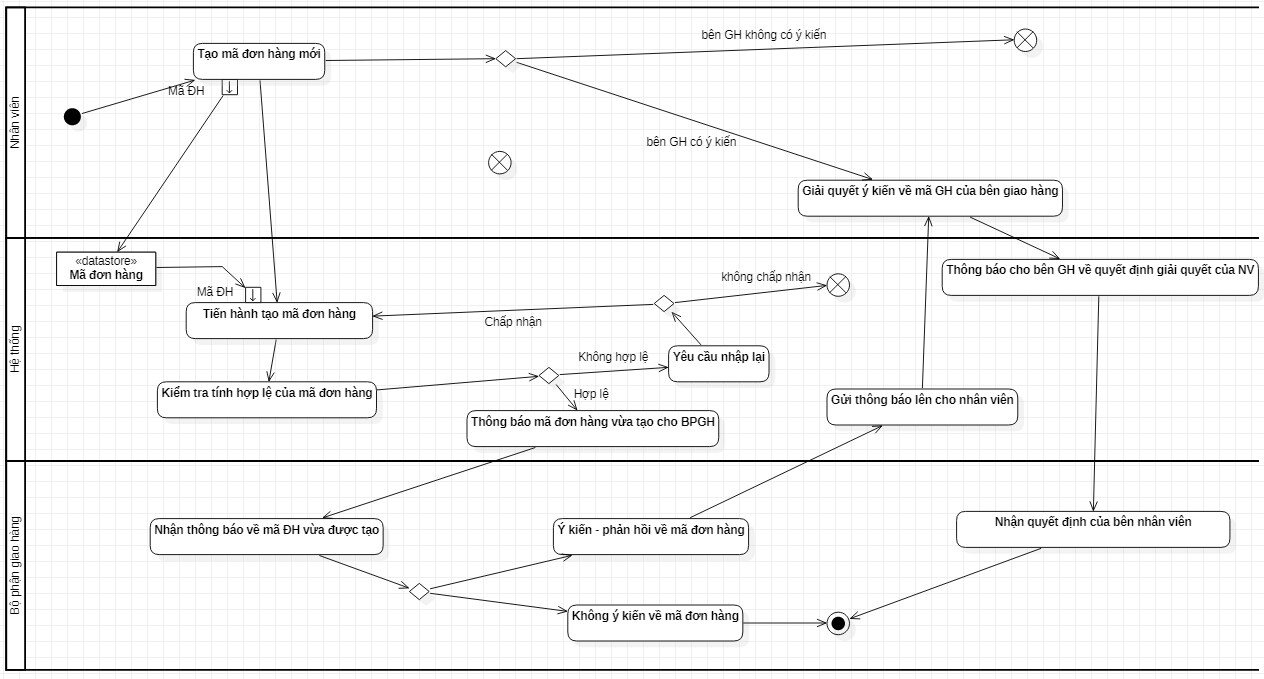
* 1. **Activity diagram**

****

**Hình 3: Điều chỉnh phương thức giao hang**

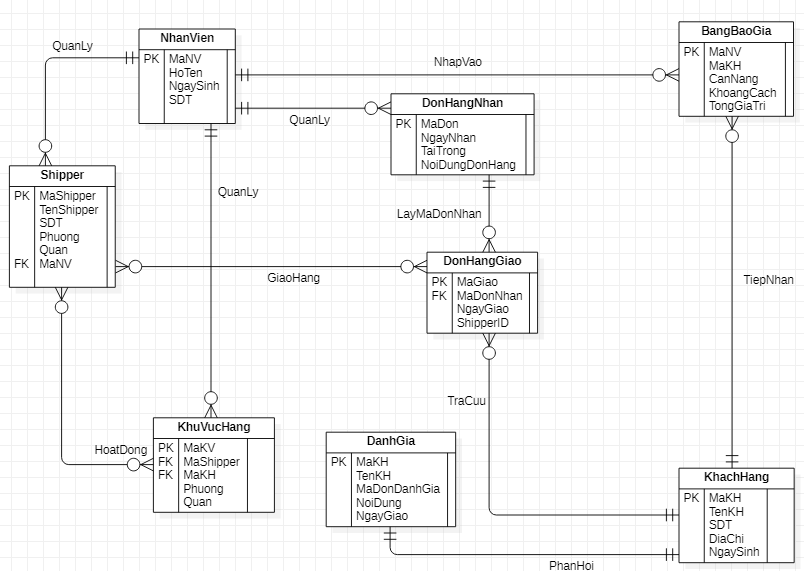
****

**Hình 4: Cập nhật trạng thái đơn hàng**

****

**Hình 5: Thông báo mã đơn hàng cho bộ phận giao hàng**

1. **Sơ đồ ERD**

****

1. **Giao diện mockup**
2. **Ảnh chụp source control system**
3. **Kết luận**

**Tài liệu tham khảo**